

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC GIAO VĂN HÓA TRONG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

NGUYỄN THỊ LIÊN - NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH - MAI THỊ THU HÂN*

Ngày nhận bài: 09/06/2016; ngày sửa chữa: 13/06/2016; ngày duyệt đăng: 15/06/2016.

Abstract: Culture is an important concept in teaching and learning foreign languages. The lack of knowledge about the native speaker culture can lead to misunderstandings and failures in cross-cultural communications. The paper delves into the issue on development of cross-cultural awareness in teaching and learning foreign language and proposes some effective culture-based activities to develop cross-cultural awareness of the learners. These activities focus on creating authentic classroom environment, providing cultural information, or solving the cultural problems and adjusting the attitude and behavior of the language learners. Also, these activities enhance the learners' communicative competence effectively in a multicultural environment

Keywords: Cultural, cross-cultural, cross-cultural awareness, development, language, activities, communication.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa đang xảy ra mạnh mẽ như hiện nay, khi mà các xung đột văn hóa (VH) là điều không thể tránh khỏi thì VH là vấn đề đang được quan tâm rộng rãi và sâu sắc. Trong quá trình đó, mục tiêu dạy học (DH) ngoại ngữ (NN) cũng có sự thay đổi nhằm hướng đến rèn luyện năng lực giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa VH. Các nghiên cứu đã cho thấy, thực trạng dạy và học NN ở Việt Nam chưa chú trọng đến vấn đề phát triển nhận thức giao VH cho người học, dẫn đến việc người sử dụng NN không đạt được mức thấu hiểu đối tác dù họ có vốn từ vựng và ngữ pháp khá tốt. Điều này sẽ hạn chế hiệu quả công việc của cá nhân và ảnh hưởng tiêu cực đến việc phát triển kinh tế, VH, xã hội trong quá trình hội nhập. Vì vậy, việc phát triển nhận thức cho người học NN về các yếu tố VH của ngôn ngữ đích trong quá trình dạy và học NN trở nên vô cùng quan trọng. Ý thức được vai trò của VH trong dạy và học NN thì việc lựa chọn các phương pháp (PP), các hoạt động DH phù hợp và hiệu quả cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Bài viết trình bày những vấn đề chung nhất về phát triển nhận thức giao VH trong việc dạy và học NN, đồng thời đề xuất một số hoạt động hỗ trợ DH dựa trên nền tảng VH nhằm phát triển nhận thức giao VH cho người học.

1. Khái quát về VH, ngôn ngữ và DH

1.1. "Văn hóa" là một khái niệm rất đa dạng. Có nhiều định nghĩa khác nhau về "VH" từ nhiều góc nhìn khác nhau. Levine và Adelman (1993) đã dùng phép ẩn dụ của một "tảng băng" VH để cho thấy rằng, phần lớn các quan điểm VH của chúng ta đều vô hình (phần chìm dưới nước của tảng băng) và hầu hết được sử dụng vô thức trong giao tiếp hàng ngày.

Oguro (2008) đưa ra một cách góc nhìn khác về VH trong mối tương quan với PP DH NN. Theo Oguro, VH là một trong những tiêu chuẩn của việc dạy và học NN trong thế kỉ 21. Bất kì nền VH nào cũng được chia thành "Ba Ps": *Quan điểm (Perspectives)*, *Sản phẩm (Products)*, và *Thực hành (Practices)*; trong đó, quan điểm là "các tư tưởng truyền thống, thái độ, niềm tin và giá trị", thực hành là "kiến thức về những việc cần làm, khi nào làm và làm ở đâu" và sản phẩm là "những biểu hiện phản ánh các quan điểm của nền VH".

1.2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ, VH và DH.

Ngôn ngữ và VH có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Mitchell và Myles (2004) cho rằng, ngôn ngữ và VH thụ đắc lẫn nhau, yếu tố này hỗ trợ sự phát triển của yếu tố kia. Agar (1994) cho rằng: "VH nằm trong ngôn ngữ và ngôn ngữ chứa đựng VH" (tr 28). Liddicoat (2003) khẳng định ngôn ngữ và VH tương tác với nhau, trong đó VH gắn kết với tất cả các mức độ sử dụng của ngôn ngữ và cấu trúc; không có mức độ ngôn ngữ nào có thể tồn tại độc lập với VH. Kramsch (1998:3) xác định ba cách thức mà ngôn ngữ và VH đang bị ràng buộc với nhau: 1) *Ngôn ngữ diễn tả thực tế VH* (bằng ngôn ngữ, người nói không chỉ biểu đạt sự thật và lí tưởng mà còn phản ánh thái độ của họ); 2) *Ngôn ngữ chứa đựng thực tế VH* (con người cất giấu kinh nghiệm của mình trong các phương tiện ngôn ngữ); 3) *Ngôn ngữ tượng trưng cho thực tế VH* (con người coi ngôn ngữ của họ như là một biểu tượng bản sắc xã hội của họ).

Trong thực tế, các hình thức và cách sử dụng của một ngôn ngữ nhất định phản ánh các giá trị VH, ước lệ VH và các chiến lược ngữ dụng của một xã hội.

* Trường Đại học Hoa Lư

Thanasoulas khẳng định rằng, các phạm trù từ vựng và ngữ pháp của một ngôn ngữ phản ánh cách con người sử dụng ngôn ngữ để ý niệm hóa thế giới xung quanh (Thanasoulas, 2001). Thanasoulas cũng phát hiện ra rằng, mỗi nền VH đều có ngữ pháp của riêng nó. Ông đã làm rõ phát hiện đó qua ví dụ: Khi một người Mỹ nhìn thấy một chiếc xe bus đang đến, anh ta luôn sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho động từ (the bus is coming), trong khi người Nhật lại dùng thì hiện tại hoàn thành (the bus has come). Trong trường hợp này, người Việt Nam lại biểu đạt thời gian thông qua phó từ chỉ thời gian (đang) mà không sử dụng dạng thức của động từ (không chia động từ). Thông qua mối quan hệ giữa VH và ngôn ngữ, có thể thấy, dạy một ngôn ngữ cũng liên quan đến hoặc thậm chí có nghĩa là dạy VH của ngôn ngữ đó.

2. Nhận thức VH và nhận thức giao VH

Nhận thức về VH là một thuật ngữ dùng để mô tả “sự nhạy cảm” đối với các tác động của hành vi VH lên việc sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp (Barry và Susan Tomalin Stempleski, 1993). Theo Claire Kramsch (1998), giao VH được hiểu là sự “gặp gỡ” của hai nền VH và ngôn ngữ đến từ hai quốc gia có biên giới lãnh thổ. Giao VH là sự áp đặt, ảnh hưởng của hệ thống thói quen, cách hành xử của một mô hình VH này đối với một hệ thống thói quen, cách hành xử của một mô hình VH khác, ở những người tham gia giao tiếp - những thành viên của các hệ thống VH; do vậy đã dẫn đến việc bóp méo hoặc hiểu sai mô hình VH mà mình chưa rõ. Từ đó xuất hiện những hành xử VH sai lạc trong một hệ thống VH nhất định.

Trong DH NN, cách tiếp cận giảng dạy có lồng ghép các yếu tố giao VH thường được áp dụng để sinh viên (SV) có thể nhận thức được những tương đồng và khác biệt VH, từ đó có kiến thức và kĩ năng trong môi trường giao tiếp quốc tế.

3. Nguyên tắc và PP giảng dạy ‘VH’ trong DH NN

3.1. Nguyên tắc giảng dạy ‘VH’ trong dạy và học NN. Khi học NN, SV thường phải đối mặt với các hiện tượng lẫn lộn hay pha trộn giữa cách diễn đạt theo VH giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ và cách diễn đạt theo VH giao tiếp bằng NN đang học. SV thường lấy quy chuẩn từ các quy ước của tiếng mẹ đẻ để thay thế hoàn toàn hoặc một phần các quy ước của NN đang học. Đó chính là hiện tượng giao VH trong giao tiếp ngôn ngữ. Dương Quốc Cường (2014) đã tổng hợp những nguyên tắc giao VH trong lớp học NN như sau:

3.1.1. Mục tiêu DH là rèn luyện cho người học cả năng lực ngôn ngữ, năng lực VH và năng lực giao VH.

Học NN cũng là tiếp cận một nền VH mới, học cách nhận biết môi trường thiên nhiên và xã hội khác, những ứng xử, quan niệm và nhận định khác với mình và nền VH của mình. Học NN hướng đến sự thấu hiểu một nền VH mới, một nền VH luôn ở trạng thái động, giao thoa và tương tác với cả nền VH khác.

3.1.2. Không dừng lại ở sự thấu hiểu, tính giao VH trong lớp học NN còn thể hiện ở sự trải nghiệm giao VH; ở đó, VH nước ngoài không là cái để biết, mà còn là “kẻ khác” đặt trong thế giao tiếp, tương tác với người học. Người học sử dụng năng lực giao tiếp để trải nghiệm các hoạt động phù hợp với quy tắc ứng xử của xã hội và VH nước ngoài trong thế tương quan với tiếng mẹ đẻ.

3.1.3. Năng lực giao VH không chỉ chú trọng mối quan hệ giữa người học với VH nước ngoài, mà cả mối quan hệ giữa người học với VH mẹ đẻ. Trong quá trình học NN, những hiểu biết và trải nghiệm về VH nước ngoài góp phần củng cố VH mẹ đẻ, và ngược lại. Hai nền VH đó có thể xem như được đặt trong thế tương quan soi chiếu lẫn nhau.

3.1.4. Tính giao VH còn được thể hiện trong mọi nội dung, mọi môn học. Giảng viên (GV) cần phải biết kết hợp năng lực giao tiếp với lí thức, sự thể hiện và trải nghiệm về giao VH của người học. Mỗi ngôn ngữ, nền VH có những quy luật và chuẩn mực của mình, có điểm tương đồng cũng có sự khác biệt so với một ngôn ngữ và VH khác. Việc tiếp cận NN trong dạy và học ở mọi khía cạnh cần tuân thủ tính khác biệt này và cần khơi gợi cho người học lí thức về việc nhận thức và trải nghiệm đối với nền VH của NN đang học. Vì vậy, GV cần đan xen những khía cạnh giao VH vào từng giai đoạn, từng nội dung chi tiết của chương trình, từng thao tác lên lớp.

3.2. PP giảng dạy ‘VH’ trong lớp học NN.

Trong thực tế, việc DH NN có lồng ghép các yếu tố giao VH không phải là một vấn đề đơn giản. Nhiều nhà giáo dục học đã tìm ra các PP khác nhau để đưa các nội dung VH vào giảng dạy ngôn ngữ. Theo Selon Evi (2004), hai PP chính trong giảng dạy VH là cách tiếp cận VH đơn lập (chủ yếu tập trung vào VH đích) và PP so sánh (cung cấp cho người học thông tin về cả hai nền VH nguồn và VH đích thông qua việc so sánh nền VH). PP tiếp cận VH đơn lập có vẻ không tương thích với các lớp học hiện đại vì nó không cung cấp và khắc sâu những kiến thức VH địa phương của người học.

Yang (2010) mô tả 4 PP tiếp cận: PP tiếp cận lưu ý, PP kết hợp, PP thực hành và PP so sánh. Hai PP đầu tiên liên quan đến việc hướng dẫn người học tiếp cận các nội dung VH. Hai PP sau nhấn mạnh đến

tầm quan trọng của thực hành và so sánh VH trong lớp học. Risager (1998) ủng hộ quan điểm này bằng cách giới thiệu 4 PP tiếp cận, trong đó có 3 PP có bao gồm yếu tố so sánh VH: Cách tiếp cận liên VH, cách tiếp cận đa VH và cách tiếp cận xuyên VH. Những PP này cung cấp cho người học cơ hội để khám phá những điểm giống nhau và khác nhau giữa VH của họ và nền VH đích, vì vậy chúng thích hợp hơn cho người học để phát triển năng lực VH. Cách tiếp cận còn lại là tiếp cận ngoại VH - chỉ tập trung nghiên cứu nền VH của ngôn ngữ đích.

Từ những năm 1990, cùng với sự toàn cầu hóa, quốc tế hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, nhiều nhà nghiên cứu giáo dục như Bennett (1993), Byram (1997), Risager (2007), Ruben (1976) đã xây dựng nên các mô hình dạy và học liên VH, điển hình là mô hình dạy và học theo hướng phát triển năng lực giao tiếp liên VH (ICC) của Byram. Byram (1997) đã định nghĩa ICC là “khả năng giao tiếp và tương tác vượt qua các ranh giới VH”. Người học NN cần phải có năng lực giao tiếp liên VH; nghĩa là phải có năm phẩm chất sau: 1) Thái độ đối với các nền VH, xã hội khác; 2) Kiến thức của bản thân và những người khác; 3) Kỹ năng giải thích và liên hệ; 4) Kỹ năng phát hiện và tương tác; 5) Nhận thức phê phán về VH. Đối với các mục tiêu của giáo dục NN là để đào tạo người học ngôn ngữ có thể sử dụng ngôn ngữ giao tiếp liên VH, việc tích hợp nội dung VH vào kế hoạch chương trình giảng dạy để phát triển nhận thức giao VH là rất cần thiết. Việc áp dụng đường hướng phát triển năng lực liên VH trong DH NN giúp người học tiếp cận và quen thuộc với những tương đồng và khác biệt VH, đồng thời có thể kiểm soát tốt các tương tác liên VH. Dựa trên cách tiếp cận rất thành công của Byram (1997), Stern (1992) và một số tác giả khác, chúng tôi trình bày một số hoạt động DH tiêu biểu nhằm phát triển nhận thức giao VH cho người học tại các lớp học NN ở Việt Nam. Những hoạt động này tập trung vào việc tạo ra một môi trường DH thực tiễn, cung cấp thông tin VH hay giải quyết các vấn đề VH, điều chỉnh thái độ và hành vi ứng xử giao VH của người học.

4. Đề xuất một số hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển nhận thức giao VH trong lớp học NN

4.1. “Viên nang VH” (Culture capsules). Một “viên nang VH” là một tập hợp những khác biệt về một khía cạnh nhất định giữa VH của người học và một nền VH. GV có thể trình bày các đặc điểm VH của quốc gia khác, sau đó so sánh tương phản với nền VH của người học. Thông thường, SV được yêu cầu chuẩn bị một “viên nang VH” ở nhà (theo cặp hoặc

nhóm) và trình bày trực tiếp trong giờ học. Trình bày miệng có thể được kết hợp với realia và các câu hỏi để nâng cao hiệu quả của thảo luận về các nội dung VH. Thông thường, bài trình bày như vậy không kéo dài hơn 10 phút. Theo Stern (1992) và Chastain (1998), lợi thế chính của việc sử dụng một viên nang VH là sự “ngắn gọn và có giá trị thực tế” của nó. Hơn nữa, khi tiến hành hoạt động này, nhiều SV có thể tham gia vào cuộc thảo luận và có thể phân biệt được sự khác biệt cơ bản của nền VH đích với nền VH riêng của họ.

4.2. Câu đố (Quizzes) là một hoạt động khá hữu ích trong việc kiểm tra kiến thức VH của người học. Câu đố thường được sử dụng để kiểm tra những nội dung VH mà GV đã dạy trước đó. Người học chọn đáp án đúng dựa trên kiến thức đã có hoặc phỏng đoán. Câu trả lời đúng thường được GV cung cấp bằng các phương tiện trực quan như đoạn băng, hình ảnh... Đây là hoạt động mang tính trực quan cao, có khả năng kích thích người học trong tiếp nhận nội dung giao VH.

Trong hoạt động đố vui, SV thường được chia thành 2 hoặc 3 đội. GV đọc câu hỏi và SV thi xem đội nào trả lời đúng được nhiều câu hơn. Ví dụ, khi dạy về chủ đề bắt tay trong những tình huống trang trọng, GV cho SV xem 4 bức tranh khác nhau và yêu cầu SV lựa chọn bức tranh có cảnh bắt tay phù hợp.

4.3. Đồng hóa VH (Culture assimilators). Hoạt động này thường có hai phần: một là, GV mô tả ngắn gọn các tình huống có thể gây ra hiểu lầm, sau đó yêu cầu người học đưa ra lựa chọn phù hợp về cách ứng xử trong bối cảnh VH từ các đáp án cho sẵn. Hai là, GV đưa ra đáp án đúng và giải thích lí do từ góc độ VH. Hoạt động này thường tạo ra không khí vui vẻ trong lớp học vì người học được tham gia vào những tình huống VH mới mẻ. Từ những kiến thức học được, người học sẽ có được sự đồng cảm khi tham gia giao tiếp đa VH.

4.4. Đóng vai và mô phỏng (Role-play and simulations). Đóng vai hay mô phỏng chuẩn bị cho người học giao tiếp bằng ngôn ngữ đích trong một bối cảnh VH và xã hội khác. Do đó, đóng vai thực sự là một kinh nghiệm học tập đáng giá cho cả SV và GV khi học về các yếu tố VH trong ngôn ngữ. Theo Alan Maley hoạt động này mang lại rất nhiều lợi ích như là tăng động lực học tập cho người học, giúp người học tham gia vào các hoạt động học một cách tích cực, phát triển tính sáng tạo và trí tưởng tượng, mang lại sự vui vẻ cho giờ học, giảm căng thẳng và lo lắng với những SV rụt rè... Người học không chỉ có nhiều cơ hội sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để “đóng vai” và «tương tác với các bạn cùng lớp của họ, mà những

hiểu biết của họ về VH của ngôn ngữ đích sẽ được mở rộng đáng kể.

Trong hoạt động đóng vai, một số SV sẽ đóng vai theo kịch bản (cung cấp bởi GV), các bạn khác quan sát và tìm ra những nét khác biệt VH hoặc phát hiện các hành vi không phù hợp và giải thích lí do. Ví dụ, 2 SV đóng vai 2 người trong buổi hẹn đầu tiên. Họ sẽ chào nhau và hỏi một số câu hỏi. Các SV khác theo dõi và so sánh sự khác nhau giữa VH Việt và VH Anh trong tình huống đó.

4.5. Khách mời và thảo luận (Guest speakers and discussions). Mời một/một số diễn giả, khách mời từ các nước khác và các cuộc thảo luận trong lớp học có thể giúp SV đối chiếu định hướng VH riêng của họ với các định hướng VH của diễn giả được mời. Trong lớp học, SV so sánh và tìm ra những điểm khác biệt, nhưng không được khuyến khích để phán xét. Các khách mời được yêu cầu nói về VH của đất nước họ và sau đó thảo luận về quá trình thích ứng VH khi họ lần đầu tiên đến Việt Nam. Họ có thể nói chuyện về những trải nghiệm của họ về ẩm thực, đất nước, con người... Họ được khuyến khích để nói về cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ lời nói và ngôn ngữ cơ thể của SV Việt Nam, hoặc nói tới các khía cạnh cụ thể của VH Việt Nam, ví dụ như các lễ hội truyền thống của địa phương, múa rối nước... PP này có thể giúp SV nhận ra sự rập khuôn và nhìn nhận người khác thông qua ống kính VH của chính mình. SV sẽ thấy dễ dàng hơn để nhận ra hành vi như vậy ở một ai đó từ nền VH khác hơn là ở chính bản thân mình; do đó, hoạt động này cho các lớp học là một hoạt động thực sự hiệu quả trong việc giúp SV học về VH.

4.6. Phương tiện trực quan và phương tiện nghe nhìn (Visual and audio aids). Những hoạt động này tương đối đơn giản và có thể được tiến hành ngay từ lúc bắt đầu học NN. Chúng được thiết kế để thiết lập một môi trường học đáng nhớ cho người học. SV có thể được yêu cầu thu thập hoặc làm tự áp phích, biểu đồ tường, bảng thông báo, bản đồ và realia có liên quan tới các chủ đề VH trong giáo trình, từ đó tạo ra một sự hiện diện trực quan của các nền VH khác ngay trong chính lớp học của mình.

Phương tiện nghe nhìn hữu ích nhất trong việc truyền tải các yếu tố giao VH chính là phim. Phim truyền đạt thực tế xã hội thông qua các tài liệu xác thực hoặc realia của cộng đồng ngôn ngữ đích. Đưa nguyên liệu tự nhiên dưới dạng phim vào các lớp học thực sự phát triển kiến thức và kĩ năng của người học trong việc phân tích và so sánh các yếu tố VH quan trọng trong cả hai nền VH của họ và ngoài nước. Cụ thể, các SV dường như đã phát triển không chỉ là một

quan điểm về các ngôn ngữ và VH ảnh hưởng hoặc tương tác với nhau mà cả tính nhạy bén với sự khác biệt VH và giao tiếp giao VH.

4.7. Môi trường học tập ảo qua Internet (Virtual learning environments via the Internet). Tự mình khám phá các nền VH khác nhau và suy ngẫm mất khá nhiều thời gian, tuy nhiên, trong một thời gian dài hầu hết người học ngôn ngữ không có cơ hội để trực tiếp trải nghiệm các nền VH khác nhau. Ngày nay, thời đại của toàn cầu hóa thông qua Internet cho phép nhiều người học cá nhân hoặc theo nhóm lớp tiếp xúc trực tiếp với những người đến từ các nền VH khác. Sự ra đời của một môi trường học tập ảo, đó là một loạt các ứng dụng giao tiếp và hộp thư trên Internet, thực sự cung cấp những khả năng thú vị để khám phá ngôn ngữ và VH của nhau trên toàn thế giới.

NN là công cụ giao tiếp không thể thiếu được với người nước ngoài. Tuy nhiên, năng lực NN phải được kết hợp với hiểu biết VH mới có thể giúp giao tiếp trở nên hiệu quả trong bối cảnh liên VH, toàn cầu hóa. Do vậy, trong quá trình DH, người dạy phải hiểu rõ mối quan hệ sâu sắc giữa ngôn ngữ và VH, mục tiêu và nguyên tắc của nền VH trong DH NN, nắm rõ thực tế của bối cảnh VH để quyết định về nội dung, PP và các hoạt động DH nhằm tạo cơ hội cho người học so sánh, đối chiếu, thấu hiểu và đồng cảm với nền VH của ngôn ngữ đích. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Agar, M. (1994). *Language Shock: Understanding the Culture of Conversation*. New York: William Morrow.
- [2] D.R. Levine, M.B. Adelman (1993). *Beyond Language - Cross - Cultural Communication*. Prentice Hall, Inc.
- [3] Byram, M., Morgan, C., & Colleagues. (1997). *Teaching and learning language and Culture*. Clevedon, Avon: Multilingual Matters.
- [4] Dương Quốc Cường (2014). *Giao thoa văn hóa trong giao tiếp và dạy học ngoại ngữ*. Kĩ yếu hội thảo quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Evi, S. (2004). *Teaching culture in English classes*. (Master thesis), University of Tartu.
- [6] Kramsch, Claire. (1998). *Context and Culture in Language teaching*, OUP.
- [7] Liddicoat, A. J. (2002). *Static and dynamic views of culture and international language acquisition*. *Babel*, 36(3), 4-11.
- [8] Nunan, D. (1989). *Designing Tasks for the Communicative Classroom*. Cambridge University Press.
- [9] Nguyễn Quang (2008). *Văn hóa, giao thoa văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ*. Tạp chí Khoa học, Đại

(Xem tiếp trang 196)